

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Quá trình thành lập công ty:

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu đã hoạt động khá thành công trong các lĩnh vực như: Đầu tư hạ tầng viễn thông, đầu tư vào các công ty chuyên ngành, xây dựng và vận hành bảo dưỡng các công trình dân dụng, dịch vụ kỹ thuật cao, sản xuất thiết bị điện công nghiệp, tích hợp hệ thống trung tâm dữ liệu, kinh doanh sản phẩm và tích hợp giải pháp.

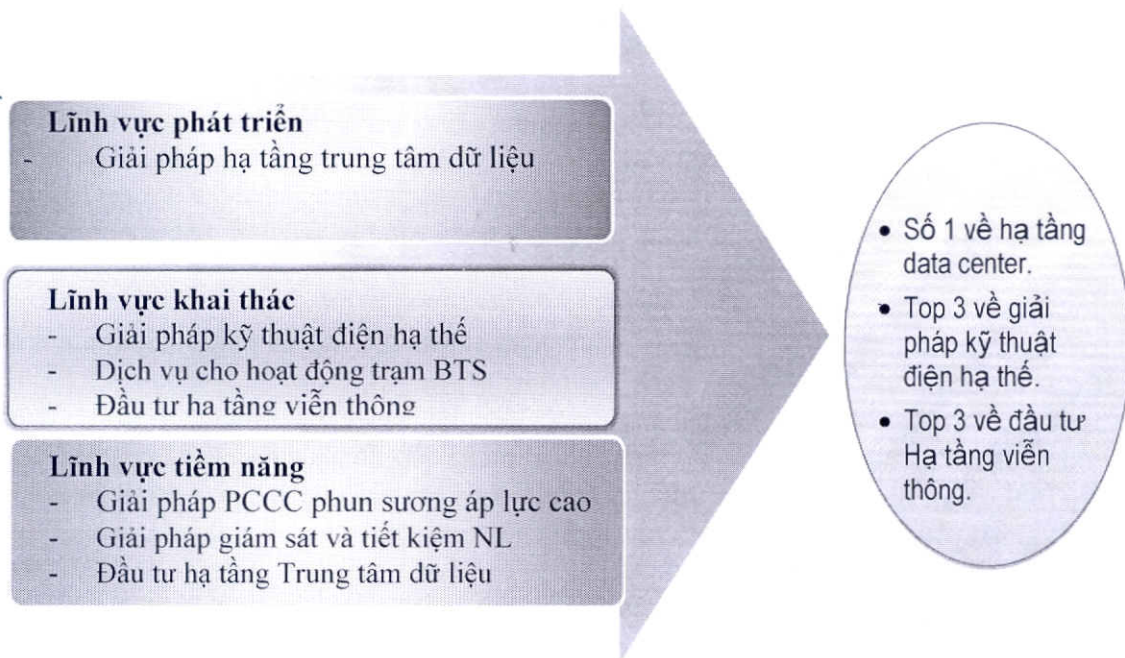
Năm 1996	Ngày 09 tháng 10 năm 1996 Công ty Thương mại Toàn Cầu A (TNHH) với tên giao dịch tiếng Anh là GLT Co., Ltd được chính thức thành lập.
Năm 2005	Ngày 28 tháng 12 năm 2005 đã chính thức chuyển sang hình thức hoạt động là cổ phần với việc đổi tên thành Công ty cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004205 do Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM với vốn điều lệ 6 tỷ đồng.
Năm 2007	Liên kết với VinaCapital – Vietnam Infrastructure Investment Ltd (Quỹ Đầu tư cơ sở Hạ tầng) thành lập Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng Toàn Cầu. Liên doanh với Site Preparation Management Co., Ltd (Thái Lan) và Atlas CSF SDN.BHD (Malaysia) thành lập Công ty TNHH Liên Doanh Global Sitem.
Năm 2008	Ngày 31/01/2008, Công ty chính thức đăng ký là công ty đại chúng. Mở rộng lĩnh vực xây dựng hạ tầng cho viễn thông BTS với tốc độ phát triển 199 trạm.
Năm 2009	Qua 06 lần tăng vốn đến ngày 13 tháng 07 năm 2009 tổng vốn điều lệ là 63.757.790.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446868 ngày 13 tháng 7 năm 2009.
Năm 2010	Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần 8: tăng vốn điều lệ lên 92.364.460.000 đồng
Năm 2011	Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 13: thay đổi địa chỉ trụ sở chính tại số 1 Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TpHCM. Đầu tư vào Công ty Cổ phần Inno sở hữu đất tại Tân Thuận với tổng diện tích 5000m ² .

2. Quá trình phát triển:

- Sau 16 năm hoạt động, công ty Toàn Cầu đã có những bước phát triển và ổn định trong lĩnh vực ngành nghề đang hoạt động. Việc đầu tư thêm Công ty CP Inno định hướng cho lĩnh vực phát triển mới trong tương lai. Quy mô công ty gồm 2 công ty con và 1 công ty liên kết hoạt động chuyên sâu trong các lĩnh vực kỹ thuật cao, bao gồm: điện, điện tử, tự động, đầu tư hạ tầng viễn thông, tích hợp hệ thống trung tâm dữ liệu, ... Hoạt động và mạng lưới kinh doanh của công ty Công ty đã phát triển khắp cả nước với trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh, văn phòng đại diện tại Hà Nội, Đà Nẵng.
- Với 1 bộ máy tổ chức tinh gọn, 1 đội ngũ nhân viên nhiệt tình có trình độ và tính chuyên nghiệp cao; với nguồn tài chính lành mạnh và với 1 vị thế vững chãi trên thương trường, công ty Toàn Cầu luôn được khách hàng và các đối tác trong và ngoài nước tin tưởng đánh giá cao.

3. Định hướng phát triển:

HDQT và Ban điều hành công ty đã thống nhất mục tiêu chiến lược tập trung trong 3 lĩnh vực như sau:



Việc thống nhất được mục tiêu chiến lược giúp công ty định hướng được những lĩnh vực cần tập trung và đầu tư nguồn lực để phát huy lợi thế lớn nhất của mình.

Về lĩnh vực phát triển

Giải pháp hạ tầng trung tâm dữ liệu: Đây là thị trường rất rộng lớn. Việc cung cấp hạ tầng cho Trung tâm dữ liệu Công ty đã có những dự án lớn thực hiện cả trong nước và ngoài nước. Khách hàng của công ty là các công ty viễn thông lớn như Viettel, VDC, Hải Quan...

Về lĩnh vực khai thác

a. Về giải pháp kỹ thuật điện hạ thế:

Đây là lĩnh vực hoạt động truyền thống của công ty và mang lại doanh số ổn định trong các năm qua. Tuy nhiên thị trường có tốc độ phát triển thấp trong các năm sau, vì thế việc tích hợp giải pháp là một thế mạnh của Công ty mang lại cho khách hàng một giải pháp tin cậy và hiệu quả, đồng thời mang lại nhiều giá trị gia tăng cho công ty nhờ năng lực và kinh nghiệm lâu năm của Công ty.

b. Đầu tư hạ tầng viễn thông

Hiện tại, Công ty đang sở hữu 179 trạm gốc, 54 trạm ghép. Ngoài ra, Công ty CP đầu tư hạ tầng Toàn Cầu (doanh nghiệp mà Công ty chiếm 41% vốn góp) sở hữu 460 trạm gốc, 131 trạm ghép. Giá trị đầu tư có tính ổn định về doanh số và lợi nhuận lâu dài.

Về lĩnh vực khai thác

Đây là lĩnh vực có quy mô thị trường lớn nhưng rất khó khăn cần thời gian nghiên cứu và tìm kiếm đối tác.

Công ty vẫn đang từng bước triển khai và điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với thị trường.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH CÔNG TY

1. Kết quả hoạt động trong năm 2011:

Về kết quả hoạt động:

Năm 2011, hoạt động của **Công ty Liên doanh Global Sitem (GSC)** đạt 76% so với kế hoạch nhưng có mức tăng trưởng 14% so với năm trước. Điều này cho thấy GSC đã dần khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường hạ tầng trung tâm dữ liệu. Trong thời gian tới, dự kiến sẽ tập trung đầu tư vào các dự án data center tích hợp, mở rộng kênh phân phối máy lạnh chính xác và phát triển dịch vụ bảo trì để hoạt động của GSC phát triển ngày càng bền vững.

Năm 2011, hoạt động của **Công ty Hạ tầng Toàn Cầu (GII)** khá thành công, doanh thu đạt 102% so với kế hoạch và tăng trưởng 26.87% so với năm trước. Tổng số trạm do GII sở hữu đến nay lên đến 460 trạm gốc và 131 trạm ghép. Trong năm tới, GII dự kiến sẽ đầu tư thêm 50 trạm gốc và 50 trạm ghép và tăng tỷ lệ phần trăm ghép mạng thứ 2 lên 25% trên tổng số trạm hiện có từ 108 trạm lên 130 trạm.

Hoạt động của **Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT)** ổn định trong năm 2011, doanh số chỉ đạt 89% so với kế hoạch tuy nhiên trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn thì đây là nỗ lực của tập thể công ty Toàn Cầu. Hoạt động tài chính của Toàn Cầu vẫn duy trì kiểm soát tốt. Nợ vay ngân hàng và chi phí tài chính đều giảm trong năm. Ngoài ra, Toàn Cầu đã hoàn tất việc mua lại 99.8% cổ phiếu công ty cổ phần IN NO. Thông qua đó, Toàn Cầu sẽ sở hữu 5,000 m² đất tại KCX Tân Thuận, làm tiền đề cho việc mở rộng lĩnh vực hoạt động, xây dựng trung tâm dữ liệu cho thuê.

Về nhân sự:

Năm 2011, Toàn Cầu có nhiều chuyển biến về cơ cấu nhân sự do di dời văn phòng sang Quận 7. Việc tái cơ cấu được thực hiện nhằm tổ chức một bộ máy tinh gọn và hiệu quả ngay trong năm. Đến nay bộ máy quản lý của Toàn cầu đi vào ổn định, hướng đến sự phát triển nguồn lực bền vững.

2. Kế hoạch năm 2012:

Những diễn biến bất lợi của môi trường kinh doanh năm 2011, việc thay đổi liên tục các chính sách vĩ mô của nhà nước, mức lạm phát, sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của năm 2012. Vì thế, Toàn Cầu đã rất thận trọng khi lên kế hoạch hoạt động cho năm 2012:

☞ Mục tiêu 1:	Đạt doanh số hợp nhất 235 tỷ đồng
☞ Mục tiêu 2:	Đạt lợi nhuận hợp nhất sau thuế 28 tỷ
☞ Mục tiêu 3:	Đạt mục tiêu chia cổ tức 25%
☞ Mục tiêu 4:	Đảm bảo nguồn nhân lực quản lý cấp trung gian
☞ Mục tiêu 5:	Đẩy mạnh việc kinh doanh sản phẩm giám sát và tiết kiệm năng lượng cho BTS.
☞ Mục tiêu 6:	Tìm kiếm khách hàng cho dự án đầu tư TTDL tại lô đất của IN NO trong KCX Tân Thuận

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC: Báo cáo tình hình tài chính

1. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011: 10.000 VNĐ / Cổ phần

2. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

- Vốn góp đầu năm: 92.364.460.000 đồng
- Vốn góp tăng trong năm: 0 đồng
- Vốn góp cuối năm: 92.364.460.000 đồng

3. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (đến thời điểm 31/12/2011): 9.216.696 cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu quỹ: 19.750 cổ phiếu.

5. Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm 2011: 29.488.548.700 đồng

IV. Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt năm 2011 đã được kiểm toán:

1. Bảng Cân đối kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 1, đường Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		110,909,466,465	128,096,442,005
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	15,980,838,005	13,539,625,047
1 Tiền		111		6,680,838,005	9,539,625,047
2 Các khoản tương đương tiền		112		9,300,000,000	4,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		11,964,268,392	8,579,500,000
1 Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	11,964,268,392	8,579,500,000
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		63,249,431,341	78,495,112,011
1 Phải thu khách hàng		131	V.3	52,940,349,803	71,001,893,304
2 Trả trước cho người bán		132	V.4	2,764,498,644	2,242,535,803
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5 Các khoản phải thu khác		135	V.5	8,432,688,703	6,310,131,112
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.6	-888,105,809	-1,059,448,208
IV. Hàng tồn kho		140		12,519,647,683	21,335,324,461
1 Hàng tồn kho		141	V.7	14,185,609,618	22,625,349,536
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	V.8	-1,665,961,935	-1,290,025,075
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		7,195,281,044	6,146,880,486
1 Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9	2,800,399,164	2,331,556,125
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		1,405,024,507	1,181,257,768
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	-
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác		158	V.10	2,989,857,373	2,634,066,593
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		85,261,382,995	70,755,491,095
I. Các khoản phải thu dài hạn		210			
1 Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3 Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4 Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		2,408,821,985	2,552,660,457
1 Tài sản cố định hữu hình		221	V.11	1,106,490,288	1,316,211,594
<i>Nguyên giá</i>		222		4,227,733,880	4,499,607,474
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		-3,121,243,592	-3,183,395,880
2 Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình		227	V.12	65,812,776	102,375,444
<i>Nguyên giá</i>		228		109,688,000	109,688,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		-43,875,224	-7,312,556
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.13	1,236,518,921	1,134,073,419
III. Bất động sản đầu tư		240	V.14	15,505,224,590	21,234,353,401
<i>Nguyên giá</i>		241		38,179,543,108	37,583,618,667

	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-22,674,318,518	-16,349,265,266
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		49,436,003,495	43,253,034,580
1	Đầu tư vào công ty con	251			-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	42,110,236,397	36,342,527,936
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	7,325,767,098	6,910,506,644
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		14,789,668,797	3,715,442,657
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		12,173,684,913	873,935,484
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		48,187,637	210,035,294
3	Tài sản dài hạn khác	268	V.17	2,567,796,247	2,631,471,879
VI.	Lợi thế thương mại	269		3,121,664,128	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		196,170,849,460	198,851,933,100
NGUỒN VỐN					
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		53,386,743,247	59,653,161,884
I.	Nợ ngắn hạn	310		50,587,920,647	52,348,304,960
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	5,207,272,550	6,405,641,725
2	Phải trả người bán	312	V.19	26,505,620,015	26,356,623,640
3	Người mua trả tiền trước	313	V.20	887,730,228	2,038,343,569
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	7,302,417,343	8,165,485,350
5	Phải trả người lao động	315	V.22	395,718,602	1,827,522,060
6	Chi phí phải trả	316	V.23	2,447,976,539	1,588,073,973
7	Phải trả nội bộ	317			-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	2,782,051,909	1,520,807,480
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.25	3,056,598,106	3,033,158,949
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	2,002,535,355	1,412,648,214
12	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-
II.	Nợ dài hạn	330		2,798,822,600	7,304,856,924
1	Phải trả dài hạn người bán	331			-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332			-
3	Phải trả dài hạn khác	333			-
4	Vay và nợ dài hạn	334			-
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		138,906,000	-
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337			-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.27	1,027,167,454	6,589,332,710
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1,632,749,146	715,524,214
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		134,278,740,860	131,330,316,903
I.	Vốn chủ sở hữu	410		134,278,740,860	131,330,316,903
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	92,364,460,000	92,364,460,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	6,083,358,132	6,083,358,132
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	-
4	Cổ phiếu quỹ	414	V.28	-286,125,132	-225,341,132
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	0	237,615,549
8	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	4,274,096,022	4,241,456,022
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	31,842,951,838	28,628,768,332
11	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			-
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
1	Nguồn kinh phí	432			-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			-
C -	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		8,505,365,353	7,868,454,313
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		196,170,849,460	198,851,933,100

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Thuyết

CHỈ TIÊU	minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài			
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4 Nợ khó đòi đã xử lý			
5 Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1,907	3,237.82
Euro (EUR)		436	457.67
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	202,887,667,166	211,262,517,016
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	8,736,000	156,916,885
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10	VI.1	202,878,931,166	211,105,600,131
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	138,376,552,500	142,862,717,673
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64,502,378,666	68,242,882,458
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,985,106,438	6,791,784,484
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	2,034,706,999	3,043,036,892
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		809,987,369	1,315,701,143
8	Chi phí bán hàng	24	VI.5	16,652,943,565	18,101,086,304
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11,427,101,829	10,790,499,173
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37,372,732,711	43,100,044,573
11	Thu nhập khác	31		909,620,215	171,530,193
12	Chi phí khác	32		168,410,968	175,886,789
13	Lợi nhuận khác	40		741,209,247	-4,356,596
14	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		5,447,836,512	467,012,033
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43,561,778,468	43,562,700,010
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	5,773,834,695	8,571,036,574
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		161,847,657	-184,387,690
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37,626,096,116	35,176,051,126
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3,871,672,852	3,236,264,329
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		33,754,423,264	31,939,786,797
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	3,662	3,535

3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo
Cơ cấu tài sản	
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	43%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	57%
Cơ cấu nguồn vốn	
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	26%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	74%
Khả năng thanh toán	
- Khả năng thanh toán nhanh	1.8 lần
- Khả năng thanh toán hiện hành	2.2 lần
Tỷ suất lợi nhuận	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	17%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	16%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	25%

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Nexia ACPA.

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu - Quận 1 – TP Hồ Chí Minh

2. Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty Toàn Cầu đầu tư vào các công ty con thời điểm 31/12/2011 với số vốn góp và tỷ lệ sở hữu như sau:

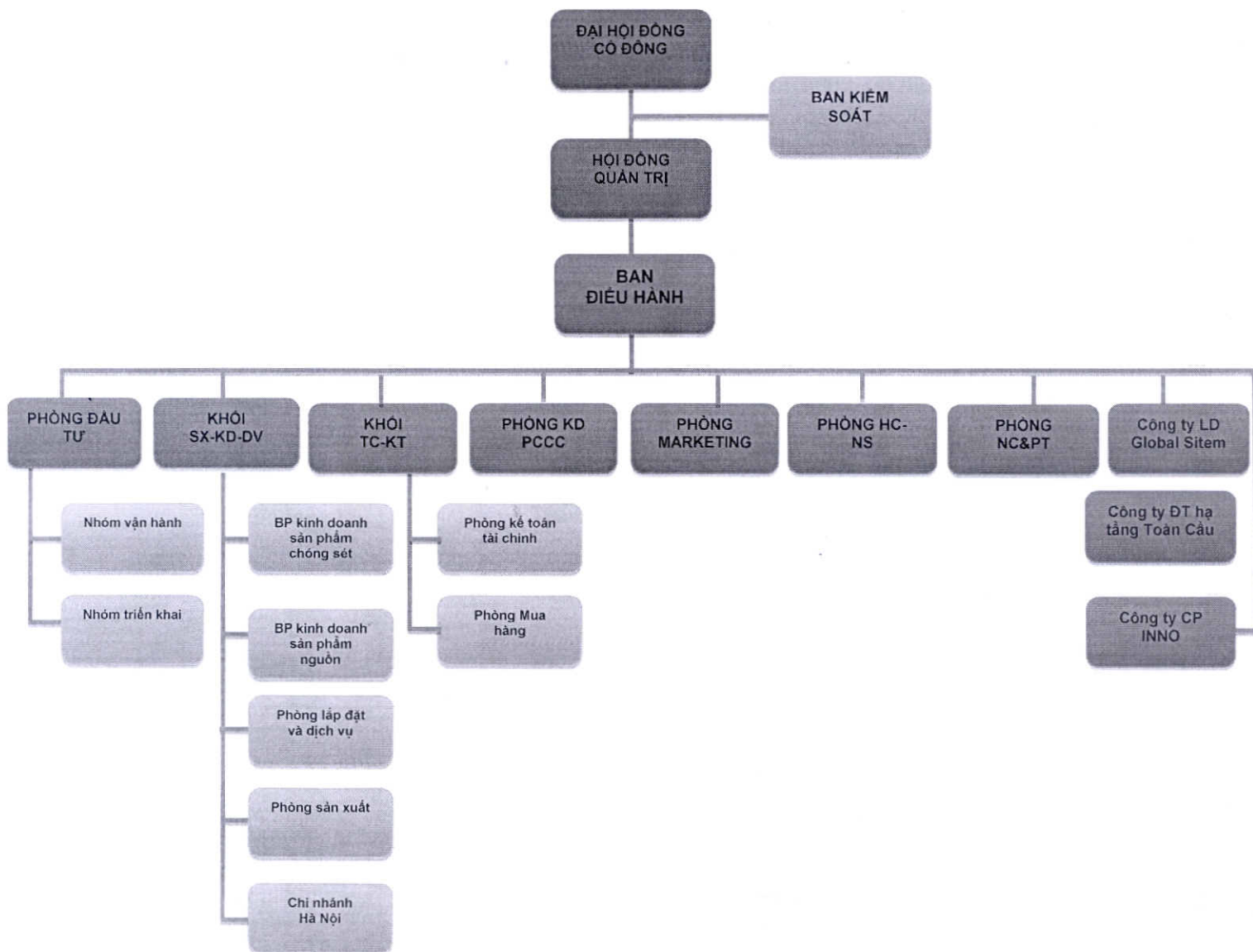
- Công ty TNHH Liên doanh Global-Sitem: 1.635.330.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 51%.
- Công ty Cp Inno: 2.994.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 99.8%.

2. Công ty Toàn Cầu đầu tư vào các công ty liên kết và thời điểm 31/12/2011 với số vốn góp và tỷ lệ sở hữu như sau:

- Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng Toàn Cầu: 32.119.400.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 41%
- Công ty TNHH Hanel-CSF: 1.831.595.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 10%

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Tổng số nhân viên: 85 người
- Nhân viên quản lý: 14 người



VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đương nhiệm của công ty (tỷ lệ sở hữu vốn tại thời điểm 31/12/2011):

Họ và tên	Chức vụ	SL cổ phần sở hữu		Tổng cộng
		Đại diện	Sở hữu	
Ông Lâm Thiếu Quân <i>Đại diện cho tổ chức Công ty CP công nghệ Tiên Phong</i>	Chủ tịch HĐQT	1.000.000	31.984	1.031.984 (chiếm 11.17 % vốn điều lệ)
Ông Nguyễn Hữu Lam <i>Đại diện cho tổ chức Công ty CP công nghệ Tiên Phong</i>	Thành viên HĐQT	560.000	00	560.000 (chiếm 6.1 % vốn điều lệ)
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT/TGD	00	543.339	543.339 (chiếm 5.88 % vốn điều lệ)
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết <i>Đại diện cho tổ chức Công ty CP công nghệ Tiên Phong</i>	Thành viên HĐQT	560.000	15.955	575.955 (chiếm 6.24 % vốn điều lệ)
Ông Tạ Huy Phong	Thành viên HĐQT	00	182.034	182.034 (chiếm 1.97 % vốn điều lệ)
Ông Tony Hsun Cau Fong <i>Đại diện cho tổ chức Vietnam Infrastructure Holding Limited</i>	Thành viên HĐQT	1.146.972	00	1.146.972 (chiếm 12.40% vốn điều lệ)
Bà Trịnh Thị Thúy Liễu <i>Đại diện cho tổ chức Công ty CP công nghệ Tiên Phong</i>	Trưởng BKS	420.000	22.960	442.960 (chiếm 4.80% vốn điều lệ)
Ông Nguyễn Minh Hoàng <i>Đại diện cho tổ chức Công ty CP công nghệ Tiên Phong</i>	Thành viên BKS	290.000	00	290.000 (chiếm 3.1% vốn điều lệ)
Ông Mai Minh Tân <i>Đại diện cho tổ chức Vietnam Infrastructure Holding Limited</i>	Thành viên BKS	00	00	(chiếm 0.0% vốn điều lệ)
Bà Nguyễn Thị Thu Sương <i>Đại diện cho tổ chức Công ty CP công nghệ Tiên Phong</i>		1.163.649	00	1.163.649 (chiếm 12.60% vốn điều lệ)

Thành viên HĐQT có 4/6 thành viên không đảm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của công ty. Ban kiểm soát có 3/3 thành viên không tham gia vào bộ máy điều hành của công ty.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn

a) Cổ đông góp vốn trong nước

Đến thời điểm 31/12/2011, cổ đông trong nước chiếm 80.98 % tổng số cổ phần đang lưu hành của công ty. Trong đó, các cổ đông lớn (từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty) bao gồm:

- Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong
- Địa chỉ: Số 1 Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Q. 7, Tp. HCM

- Số lượng cổ phần sở hữu: 3.993.649 cổ phần
- Tỷ lệ vốn góp của công ty: 43.23 %

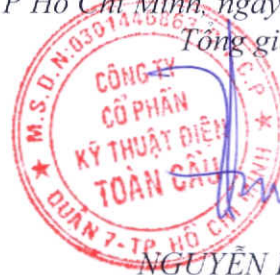
b) Cổ đông góp vốn nước ngoài

Đến thời điểm 31/12/2011, cổ đông nước ngoài chiếm 19.02 % tổng số cổ phần đang lưu hành của công ty. Trong đó, các cổ đông lớn (từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty) bao gồm:

- Vietnam Infrastructure Holding Limited
- Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Sun Wah Tower, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM
- Số lượng cổ phần sở hữu: 1.146.972 cổ phần
- Tỷ lệ vốn góp của công ty: 12.40 %.

TP Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2012

Tổng giám đốc



NGUYỄN HỮU DŨNG